

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/9/2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thơm

2. Bà Đỗ Thị Ngọc Sanh

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 09 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1989

Địa chỉ: B3/067, ấp L, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: C4/120, ấp L, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(chị N anh H, vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh H quen biết, tìm hiểu nhau khoảng được 04 (bốn) năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/4/2009.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, vì lý do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề tiền bạc, anh H không quan tâm, lo lắng đến gia đình mà ham chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Rất nhiều lần anh H lừa dối chị N để lấy tiền tiêu xài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Ngoài ra, anh H còn có biểu hiện không chung thủy, thực tế như thế nào chị N khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

Từ tháng 05 năm 2020 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, yêu thương nhau và không thực hiện quyền, nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh H và không còn biện pháp hàn gắn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

- **Về con chung**: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thái T – sinh ngày: 01/01/2010 và cháu Nguyễn Gia K – sinh ngày: 06/11/2011. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hiện nay, chị N làm nghề buôn bán thịt heo thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thực tế như thế nào chị N khai vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

- **Về tài sản chung**: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- **Về nợ riêng**: Không có.

* *Tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 04 năm thì tự nguyện kết hôn và được UBND xã Q, huyện Thống Nhất cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2009.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trầm trọng xảy ra khoảng 03 tháng nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Anh H thừa nhận bản thân ham chơi, không quan tâm lo lắng đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, chị N thường xuyên nghi ngờ, ghen tuông vô cớ cho rằng anh H không chung thủy nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay chị N bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống. Nay anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị N, tuy nhiên cũng không còn biện pháp hàn gắn vợ chồng, mặt khác do anh H theo đạo tôn giáo nên không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

Hiện nay anh H đang làm nghề lái xe, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thực tế như thế nào anh H khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày: 01/01/2010 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày: 06/11/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục hai con. Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung cùng chị N mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: Không có

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, giao 02 cháu Nguyễn Thái T – sinh ngày: 01/01/2010 và cháu Nguyễn Gia K – sinh ngày: 06/11/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; anh H cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Về tài sản, nợ chung, nợ riêng: chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Quang H có nơi cư trú tại: C4/120, ấp L, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N, Bị đơn anh Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện kết hôn có đăng ký và được UBND xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/4/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra theo chị N và anh H thừa nhận do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, theo chị N thì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là vấn đề tiền bạc, anh H không lo lắng, quan tâm đến gia đình, rất nhiều lần anh H lừa dối chị N để lấy tiền tiêu xài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Theo anh H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị N thường nghi ngờ, ghen tuông vô cớ cho

rằng anh H không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị N và anh H sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị N, tuy nhiên không còn biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác do anh H theo đạo tôn giáo nên anh H không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống gia đình chị N, anh H đã thiếu sự yêu thương, quan tâm và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên anh chị đã phải sống ly thân, nhiều lần anh chị đã nói chuyện, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N và anh H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày: 01/01/2010 và cháu Nguyễn Gia K – sinh ngày: 06/11/2011. Ý kiến của chị N và anh H thống nhất về việc chị N sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu T và K, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Xét thấy chị N anh H thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị N và anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh H chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Nguyễn Thái T – sinh ngày: 01/01/2010 và cháu Nguyễn Gia K – sinh ngày: 06/11/2011. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là tháng 10/2020. Thời điểm chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006104 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị N đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm) ngàn đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CC.THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Q, H. Thống Nhất
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc